TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2019.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Tám

2. Ông Trần Xươnne

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/6/2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2019, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Trần Thị Sa A, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số 611 ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

***** *Bị đơn*: Trang Văn B, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Sa R thì vụ án có nội dung như sau*:

Nguyên đơn A và bị đơn B tự nguyện tổ chức đám về sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/5/2011. Vợ chồng có 02 con chung tên Trang Trần Phương Th, sinh ngày 14/3/2012 và Trang Trần Thảo P, sinh ngày 23/9/2014.

Nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến sống chung không hạnh phúc. Sau khi sinh con nhỏ

được 01 tháng thì vợ chồng không sống chung cho đến nay. Hiện nay cả 02 con chung đang sống cùng nguyên đơn A.

Nguyên đơn A cho rằng hiện nay không còn tình cảm yêu thương và sẽ không sống chung cùng bị đơn B. Vì vậy, nguyên đơn A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn Trần Thị Sa A yêu cầu được ly hôn chồng là bị đơn Trang Văn B.

- *Về con chung*: Nguyên đơn A yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu bị đơn B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nguyên đơn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn Trang Văn A*: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 421/TB-TLVA, ngày 19/6/2019 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn B nhưng bị đơn B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A. Sau đó, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn B tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng bị đơn B không tham dự. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau*:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn A tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn B chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, giải quyết để nguyên đơn A được ly hôn chồng là bị đơn B vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Con chung tên Th có nguyện vọng sống chung với mẹ là nguyên đơn A sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao cho nguyên đơn A được tiếp tục trực tiếp nuôi cả 02 con chung tên Th và tên P theo đúng nguyện vọng của cháu Th, bị đơn B không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn A không yêu cầu, đảm bảo quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn B theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tài sản chung, nợ chung, do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Bị đơn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn B vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn A yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn B theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn B.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Nguyên đơn A yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn A yêu cầu được ly hôn chồng là bị đơn B.

- *Về con chung*: Nguyên đơn A yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu bị đơn B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, thì thấy rằng:

2.1 *Về quan hệ hôn nhân*:

Nguyên đơn A trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Lời trình bày của nguyên đơn A về quan hệ hôn nhân phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 09/5/2011 được lưu trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, quan hệ về hôn nhân của các đương sự là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Khi các bên phát sinh tranh chấp thì được giải quyết theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Do sống chung không hạnh phúc nên nguyên đơn A khởi kiện yêu cầu được ly hôn chồng là bị đơn B. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn A thì thấy rằng: Nguyên đơn A và bị đơn B không sống chung đã lâu, trong một thời gian dài các bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, các bên đều không có biện pháp cụ thể nào để đoàn tụ gia đình. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn A, tuyên bố nguyên đơn Trần Thị Sa A được ly hôn chồng là bị đơn Trang Văn B.

2.2 *Về con chung*:

Nguyên đơn A trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Trang Trần Phương Th, sinh ngày 14/3/2012 và Trang Trần Thảo P, sinh ngày 23/9/2014. Lời trình bày của nguyên đơn A về con chung phù hợp với Giấy khai sinh của 02 con chung được lưu trong hồ sơ vụ án.

Sau khi ly hôn , nguyên đơn A yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cả 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bị đơn B cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn A thì thấy rằng: Các con của các đương sự còn nhỏ, chưa tới tuổi trưởng thành, cần phải có sự quan tâm chăm sóc của cả cha và mẹ nhưng khi cha mẹ ly hôn thì chỉ có một người trực tiếp nuôi con. Trên thực tế thì nguyên đơn A là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung từ nhỏ cho đến nay,

cuộc sống về mọi mặt vẫn được bảo đảm tốt, tình cảm mẹ con đã gắn bó, cháu Th có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là nguyên đơn A sau khi cha mẹ ly hôn. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cháu Th và cháu P, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Th và cháu P cho mẹ là nguyên đơn A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Do nguyên đơn A không yêu cầu bị đơn B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn B có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở bị đơn B thực hiện quyền này.

2.3 *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn B không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này, có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hay nợ chung, thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như những căn cứ và phân tích nêu trên.

[3] *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử</u>:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Sa A.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn Trần Thị Sa A được ly hôn chồng là bị đơn Trang Văn B.

2. *Về con chung*: Nguyên đơn A được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi cả 02 con chung tên Trang Trần Phương Th, sinh ngày 14/3/2012 và Trang Trần Thảo P, sinh ngày 23/9/2014 đến khi đủ 18 tuổi. Bị đơn B không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn A không yêu cầu. Bị đơn B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở bị đơn B thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn A phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn A đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0008616, ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, nguyên đơn A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn B, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày bị đơn B nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung